SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE
THANH TRA SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /KL-TTr

Bến Tre, ngày 17 tháng 5 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra chuyên ngành đối với Trường Mẫu giáo Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTr ngày 13/4/2021 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre về việc thanh tra chuyên ngành đối với Trường Mẫu giáo Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam. Từ ngày 19/4/2021 đến 22/4/2021, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Mẫu giáo Ngãi Đăng;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 14/5/2021 của Trưởng đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bến Tre kết luận như sau:

1. Khái quát chung

Xã Ngãi Đăng là xã vùng sâu thuộc cánh Nam của huyện Mỏ Cày Nam, cách trung tâm thị trấn Mỏ Cày Nam khoảng 12 km. Diện tích tự nhiên của xã hiện nay là 851,67 ha, đơn vị hành chính gồm 04 ấp, xã có 1.528 hộ với 5.866 nhân khẩu. Nhân dân trong xã sống chủ yếu bằng nghề nông.

Tổ chức hệ thống chính trị từ xã đến ấp được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Mặt trận, đoàn thể và các tổ chức quần chúng thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đã không ngừng chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Kết cấu hạ tầng nông thôn được phát triển mạnh nên việc đưa đón trẻ đến trường được thuận tiện hơn.

Công tác giáo dục được cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân quan tâm tạo mọi điều kiện để phát triển giáo dục tại địa phương. Tập thể Ban lãnh đạo, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà ngành giao.

Tuy nhiên xã Ngãi Đăng có dân số thưa mà tỉ lệ hộ nghèo còn cao so với mặt bằng của huyện (189 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ còn cao 12,3%) và đa số trẻ ở nhà với ông bà nên số trẻ trong độ tuổi đến trường chưa cao.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Về ban hành văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền

Hằng năm, nhà trường có ban hành quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, quyết định thành lập các tổ chuyên môn, quyết định bổ nhiệm tổ trưởng và tổ phó chuyên môn trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Xây dựng kế hoạch đầy đủ các kế hoạch hoạt động (kế hoạch năm học, kế hoạch tháng và các kế hoạch

chuyên đề). Có xây dựng nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, qui chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Tuy nhiên, còn một số quyết định ban hành có căn cứ thiếu tính pháp lý, chưa khoa học như: Qui chế dân chủ Hiệu trưởng căn cứ vào Quyết định số 04/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2000 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành qui chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường; quy chế văn hóa ứng xử căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Luật cán bộ công chức 2008, Luật viên chức 2010; quyết định thành lập tổ, quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn nội dung giao quyền; ban hành một quyết định chung cho 02 tổ chuyên môn nên không biết số lượng và thành viên cụ thể.

2.2. Về xây dựng bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của nhà trường hiện có: Hội đồng trường, Chi bộ, Công đoàn cơ sở, Hội đồng Thi đua- Khen thưởng, 02 tổ chuyên môn. Cơ cấu, số lượng thành viên của các hội đồng, các tổ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và đảm bảo đúng theo quy định. Các tổ chức này thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng theo Điều lệ trường Mầm non và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ trường Mầm non.

Tuy nhiên, năm học 2020-2021 Trường Mẫu giáo Ngãi Đăng còn khuyết Tổ Văn phòng (do không đủ nhân sự thành lập tổ). Có 02 tổ chuyên môn: Tổ Lá (03 lớp lá) và tổ Chồi (ghép chung 03 lớp khối Chồi và 01 nhóm Nhà trẻ). Riêng nhân viên nấu ăn không bố trí tham gia vào sinh hoạt của các tổ chuyên môn.

2.3. Về công tác kiểm tra nội bộ

Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT, nhà trường thực hiện kiểm tra theo kế hoạch, có lưu giữ hồ sơ kiểm tra đầy đủ.

Tuy nhiên, nội dung của kế hoạch kiểm tra còn dàn trải, một số cuộc kiểm tra có nội dung không phù hợp, còn hình thức, không khả thi; biên bản của tổ kiểm tra chưa phản ánh cụ thể việc thực hiện các nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra để làm cơ sở tham mưu Hiệu trưởng ban hành kết luận.

2.4. Thực hiện qui chế chuyên môn

2.4.1. Việc thực hiện các qui định về hồ sơ sổ sách

- Đối với nhà trường: có hồ sơ quản lý trẻ em; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học; hồ sơ phổ cập giáo dục; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; hồ sơ quản lý các văn bản hành chính khác (hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, hồ sơ các hội thi, các chuyên đề, các biên bản kiểm tra, kế hoạch chuyên môn, sổ theo dõi chuyên môn theo thống nhất của Phòng GD&ĐT). Ngoài ra, nhà trường còn có các loại hồ sơ điện tử được sử dụng phục vụ công tác chuyên môn gồm: Phần mềm Kiểm định chất lượng

giáo dục; Phần mềm Phổ cập giáo dục; Phần mềm Quản lý tài sản; Phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành; Phần mềm I office (Văn thư).

Tuy nhiên, kế hoạch phát triển Chương trình GDMN các năm học chưa hợp lý về cấu trúc, căn cứ chưa sát hợp theo kế hoạch phát triển chung của nhà trường, chưa cụ thể về mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu và các biện pháp để tổ chức thực hiện. Chưa cụ thể hóa nội dung đổi mới trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Đối với tổ chuyên môn: Các tổ có thiết lập các loại hồ sơ theo quy định như: Kế hoạch hoạt động của tổ; sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ; sổ bồi dưỡng thường xuyên, tuy nhiên:

+ Trong kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non (GDMN) của Tổ Chồi ghép nhóm nhà trẻ chưa xây dựng nội dung chương trình cho Nhà trẻ; chưa hợp lý về cấu trúc, căn cứ chưa sát hợp theo kế hoạch phát triển chung của nhà trường; chưa cụ thể về mục tiêu, về nội dung, về chỉ tiêu và các biện pháp để tổ chức thực hiện; chưa cụ thể hóa nội dung đổi mới trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

+ Các loại sổ sách, biên bản, kế hoạch của các tổ trưởng thiếu ký duyệt của lãnh đạo nhà trường.

+ Kế hoạch chuyên môn chưa đánh giá được các mặt ưu điểm, hạn chế của tháng qua; biên bản họp tổ chuyên môn chưa thể hiện rõ nội dung đổi mới hình thức sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, chưa bàn sâu vào đánh giá, rút kinh nghiệm hoặc đổi mới trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (do nhân viên nấu ăn không được bố trí sinh hoạt với tổ chuyên môn).

- Đối với giáo viên: có sổ kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; sổ theo dõi trẻ em; sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; sổ liên lạc; sổ theo dõi đánh giá trẻ; sổ dự giờ; sổ ghi chép các nội dung sinh hoạt chuyên môn.

Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục của giáo viên nhóm nhà trẻ có các căn cứ lập kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục chưa sát với điều kiện thực tế của đơn vị.

2.4.2. Việc thực hiện các qui định về chuyên môn

2.4.2.1. Việc thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng

- Trường có cập nhật và thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng và an toàn cho trẻ như: Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch quy định về công tác y tế trường học; Thông tư 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/04/2010 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non. Trường có xây dựng kế hoạch thực hiện y tế trường học và kế hoạch "Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích" trong 02 năm học 2019-2020 và 2020-2021. Thực hiện tốt khâu vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học, đảm bảo

tuyệt đối an toàn và phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho trẻ. Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong đơn vị.

- Kế hoạch bán trú, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ được xây dựng cụ thể hằng năm. Tuyên truyền, vận động phụ huynh duy trì cho trẻ tham gia bán trú được 7/7 lớp. Riêng năm học 2020-2021 có 236/238 trẻ tham gia, tỷ lệ đạt 99.15% (có 02 trẻ không tham gia ăn tại trường do tình trạng sức khỏe trẻ).

- Nhà trường thực hiện công tác quản lý chất lượng nuôi dưỡng qua hệ thống sổ sách quản lý bán trú theo quy định như: Sổ kiểm thực 3 bước, sổ giao nhận thực phẩm, sổ lưu mẫu, thực đơn... và có ứng dụng trang tính excel để cập nhật dữ liệu và tính toán khẩu phần năng lượng cho trẻ. Thực hiện tốt quy trình bếp ăn 1 chiều. Xây dựng tốt thực đơn hàng ngày và tính khẩu phần dinh dưỡng căn cứ theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đảm bảo quy trình trong ký hợp đồng thực phẩm. Có 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tập huấn về kiến thức về an toàn thực phẩm và khám sức khỏe định kỳ. Có chú ý về hình thức tổ chức bữa ăn cho trẻ: trang trí bình hoa trên bàn ăn, chuẩn bị đầy đủ các vật dụng để trẻ vệ sinh sạch sẽ.

Tuy nhiên, nhà trường xây dựng thực đơn và điều chỉnh chế độ ăn, khẩu phần ăn cho trẻ có lúc chưa được sâu sát. Việc theo dõi quản lý ghi nhận trên sổ sách nhà trường về khẩu phần năng lượng cho trẻ chưa đúng với kết quả khi kiểm tra thực tế ghi nhận khẩu phần năng lượng, cụ thể là:

+ Theo ghi nhận của nhà trường, năm học 2019-2020, khẩu phần năng lượng và tỉ lệ cân đối các chất G-P-L của trẻ cả độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo được tính chung, với mức năng lượng đạt ở tháng 9/2019 là 110.73%, tháng 12/2019 là 100.9%, tháng 6/2020 là 100.3% (do dịch bệnh Covid nghỉ nên đến tháng 6 mới tính khẩu phần). Năm học 2020-2021, ghi nhận tháng 10/2020 khối mẫu giáo đạt 93.7%, nhà trẻ đạt 99%; tháng 12/2020 khối mẫu giáo đạt 90.8%, nhà trẻ đạt 93.7%; tháng 3/2021 khối mẫu giáo đạt 87%, nhà trẻ đạt 54.18%.

Trong khi kết quả khi kiểm tra thực tế ghi nhận khẩu phần năng lượng cụ thể là:

Năm học 2019-2020	Tháng 9/2019	Tháng 12/2019	Tháng 6/2020
+ Mẫu giáo	111.94%	100.74%	114.84%
+ Nhà trẻ	112.71%	95.69%	105.64%
Năm học 2020-2021	Tháng 9/2020	Tháng 12/2020	Tháng 3/2021
+ Mẫu giáo	97.28%	112.07%	100.6%
+ Nhà trẻ	98.36%	101.7%	107.3%

+ Với cách tính của trường như trên thì khẩu phần năng lượng và tỉ lệ cân đối các chất G-P-L cho trẻ cả độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo là chưa đúng qui định. Nhân viên nấu ăn không tham gia sinh hoạt với tổ chuyên môn, nên chưa trao đổi, đánh giá,

rút kinh nghiệm về công tác nuôi để điều chỉnh kịp thời việc tính khẩu phần năng lượng và tỉ lệ cân đối các chất G-P-L.

- Trường xây dựng các kế hoạch phòng chống dịch bệnh, phòng tai nạn, thương tích, phòng chống trẻ suy dinh dưỡng (SDD), thừa cân, béo phì. Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì và suy dinh dưỡng có giảm hằng năm:

+ Năm học 2019-2020, tỷ lệ trẻ SDD cân nặng và SDD chiều cao cuối năm giảm 2/4 trẻ (giảm 50% so với đầu năm học); trẻ thừa cân, béo phì cuối năm giảm 11/20 trẻ (giảm 55% so với đầu năm học).

+ Năm học 2020-2021: tỷ lệ trẻ SDD cân nặng và SDD chiều cao đến tháng 03/2021 giảm 4/6 trẻ (giảm 66,66% so với đầu năm học); trẻ thừa cân, béo phì giảm 5/17 trẻ (giảm 29,41% so với đầu năm học).

Tuy nhiên, so với kế hoạch năm học 2020-2021, chỉ tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì trên tổng số trẻ toàn trường là dưới là 3%, tại thời điểm thanh tra thì kết quả chưa đảm bảo chỉ tiêu (tháng 10/2020, tỉ lệ thừa cân là 7,14%, đến tháng 3/2021 tỉ lệ thừa cân là 5,04%)

- Nhà trường có phối hợp với trạm y tế xã để tổ chức kiểm tra sức khỏe cho trẻ theo kế hoạch 2 lần/năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ độ tuổi mẫu giáo tại trường, lớp phù hợp với độ tuổi và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo đúng thời gian biểu đã đề ra.

- Công tác tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện Chương trình Sữa học đường thực hiện theo Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Chương trình Sữa học đường tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017-2020 được thực hiện từ năm 2019. Trong quá trình thực hiện trường có lập hồ sơ quản lý, bảo quản sữa đúng quy trình. Công tác quản lý và tổ chức thực hiện cho học sinh được uống sữa đảm bảo như đã đăng ký, quan tâm thực hiện đúng chế độ cho trẻ thuộc diện chính sách được uống miễn phí:

+ Số trẻ tham gia uống sữa học đường năm 2019- 2020 có 197/234, tỉ lệ 84,2%, trong đó có 18 trẻ được hưởng chế độ chính sách; năm học 2020- 2021 có 143/238, tỉ lệ 60.1%, trong đó có 21 trẻ được hưởng chế độ chính sách.

2.4.2.2. Việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non

- Toàn trường có 07 nhóm, lớp trong đó: 03 lớp lá, 03 lớp chồi, *01 nhóm trẻ (có 19 cháu từ 0 đến 2 tuổi)*, được tổ chức học 02 buổi/ngày theo Chương trình GDMN, đạt tỉ lệ 100%. Có 05 lớp mẫu giáo ghép vượt số trẻ so với quy định của Điều lệ. Bố trí ghép 04 lớp ở điểm Bình Sơn dàn trải, chưa hợp lý về qui mô, đa số lớp được tổ chức dạy ghép 02 độ tuổi (5/7 lớp).

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển chương trình GDMN tương đối phù hợp với điều kiện trường, lớp, văn hóa - xã hội ở địa phương. Có phối hợp với cộng đồng

địa phương và phụ huynh tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, các nội dung giáo dục lồng ghép trong chương trình: Tình cảm, kỹ năng, xã hội; văn hoá ứng xử; phòng chống xâm hại và bạo hành trẻ em; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục bảo vệ môi trường...được triển khai theo chỉ đạo của các cấp quản lý và Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và cơ bản phù hợp, sát thực tiễn.

- Có kế hoạch triển khai các chuyên đề trọng tâm của từng năm học "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm", "Nâng cao chất lượng Giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non" giai đoạn 2016-2019. Kết quả tổng kết 05 năm thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm", nhà trường có 01 giáo viên được khen thưởng cấp huyện. Năm học 2020-2021, trường xây dựng chuyên đề trọng tâm "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", tổng kết 05 năm thực hiện và nhân rộng mô hình Chuyên đề Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2.

Tuy nhiên, nội dung một số kế hoạch còn chưa cụ thể, thiếu kết quả đã đạt và đánh giá tình hình thực tiễn nên việc triển khai còn chung chung, thiếu trọng tâm, chỉ đạo thực hiện khó sâu sát (kế hoạch Chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2; Kế hoạch Thực hiện chuyên môn năm học 2020-2021...)

- Nhà trường có ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi, ngày lễ, ngày hội theo quy định như: Lễ Khai giảng, Tết Trung thu, Ngày nhà giáo Việt Nam, Bế giảng năm học gắn với tết thiếu nhi 1/6, ...

- Các biện pháp chỉ đạo và thực hiện nâng chất lượng giáo dục trẻ cũng như việc thực hiện đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có đưa vào kế hoạch và triển khai trong tổ khối chuyên môn.

Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục các năm học của nhà trường, của tổ khối chưa sát với thực trạng, chưa thể hiện rõ các biện pháp chỉ đạo và thực hiện nâng chất lượng giáo dục trẻ. Kế hoạch giáo dục của nhà trẻ trong tổ khối chưa được quan tâm xây dựng phát triển theo Chương trình GDMN;

- Có thực hiện công tác đánh giá trẻ, tổ chức khen thưởng cuối năm học theo quy định. Có triển khai thực hiện đánh giá sự phát triển của trẻ theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

- Triển khai thực hiện thí điểm cho trẻ làm quen với ngoại ngữ vào năm học 2019-2020: 75/245 trẻ tham gia có kết quả nhất định và mang lại hiệu quả thiết thực, phù hợp với văn hóa địa phương, nhưng chưa được duy trì và phát triển cho năm học 2020-2021, trong khi điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, và của phụ huynh là có thực.

- Trong 02 năm học qua trường không có nhận trẻ khuyết tật.

- Không có hiện tượng dạy trước chương trình lớp 1.

2.4.2.3. Việc thực hiện công tác tuyên truyền về cấp học, về kiến thức nuôi dạy con cho các bậc cha mẹ. Công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và cộng đồng

Hằng năm, nhà trường có phối hợp với chính quyền, đoàn thể ở địa bàn tuyên truyền về các chủ trương chính sách của bậc học mầm non và vận động trẻ đến trường, duy trì tốt công tác bán trú cho 100% số lớp trong nhà trường qua nhiều hình thức như qua bảng tuyên truyền chung của nhà trường và tại từng nhóm, lớp; qua họp phụ huynh, hoạt động lễ hội, ... Có kết hợp với các ban ngành, đoàn thể và cộng đồng tại địa phương trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Có xây dựng tuyên truyền về nội dung phương pháp phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ trong cộng đồng thông qua họp phụ huynh, ngày lễ, hội…

Nhà trường có xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông đến phụ huynh về chăm sóc, phòng bệnh, phương pháp chăm sóc nuôi dạy con theo khoa học và các nội dung giáo dục hàng tháng.

Có phối hợp với trạm y tế địa phương tổ chức kiểm tra sức khỏe cho trẻ theo đúng định kỳ 2 lần/năm học và tuyên truyền cho các bậc cha mẹ về chăm sóc phòng bệnh trẻ tại nhà.

Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng cụ thể các kế hoạch tuyên truyền nhóm trẻ gia đình hằng năm, và chưa tổ chức các buổi hướng dẫn cha mẹ trẻ ngoài nhà trường trong việc chăm sóc nuôi dạy trẻ theo khoa học. Các bảng tuyên truyền tại một số lớp hình thức chưa đổi mới, nội dung tuyên truyền thay đổi chưa kịp thời với chủ điểm trong tháng.

2.5. Công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

2.5.1. Công tác quản lý, sử dụng

- Tổng số biên chế được giao: 17, biên chế hiện có 16. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 02 (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng); trên chuẩn: 02, tỷ lệ: 100%.

+ Giáo viên: 13, trên chuẩn: 04, tỷ lệ: 30%;

+ Nhân viên: 01 (Kế toán).

+ Hợp đồng: 02 (02 Bảo vệ).

So với quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, trường thiếu 03 giáo viên, 01 nhân viên Y tế.

- Việc phân công giáo viên đảm bảo 02 giáo viên/lớp. Tuy nhiên, từ tháng 11/2020 đến 19/4/2021 có 01 giáo viên/lớp nhưng chưa thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo công văn 3176/UBND-TCĐT ngày 23/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Quản lý, cập nhật hồ sơ viên chức theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

2.5.2. Đánh giá cán bộ, giáo viên

- Nhà trường thực hiện việc nhận xét, đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo Hướng dẫn số 412/HD-SGD&ĐT ngày 15/3/2018 và Hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT về việc nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Thực hiện tốt việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018; chuẩn giáo viên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 và nhận xét đánh giá viên chức theo đúng quy đinh Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015; Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/07/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.

Tuy nhiên, Hiệu trưởng không ra thông báo cho viên chức biết kết quả đánh giá trước khi kết luận chính thức mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2.5.3. Thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động

Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định như nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, hưởng *(tăng)* phụ cấp thâm niên nhà giáo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cụ thể:

- Nâng lương thường xuyên: năm 2018 (05 viên chức), năm 2019(03 viên chức), năm 2020 (05 viên chức)

- Nâng lương trước thời hạn: năm 2018, 2019 (không có), năm 2020 (02 viên chức).

2.6. Thực hiện các qui định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác

2.6.1. Nguồn thu học phí

Hiệu trưởng thực hiện thu theo Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND Tỉnh Bến tre ngày 04/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Tổ chức xét miễn, giảm học phí, cấp bù học phí nhà trường thực hiện đúng theo tại điều 7, khoản 2 điều 8 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 hướng dẫn

thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Cụ thể:

- Mức thu học phí 60.000 đồng/trẻ/tháng đối với trẻ học bán trú.

Năm 2020: Tồn năm trước chuyển sang 33.497.462 đồng; thu trong năm 102.600.000 đồng; chi trong năm 29.449.000 đồng; tồn cuối năm 106.648.462 đồng.

Năm 2021: Tồn năm trước chuyển sang 106.648.462 đồng; thu trong năm 00 đồng, chi đến thời điểm thanh tra 00 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 106.648.462 đồng.

Hình thức thu học phí: Từ năm học 2019-2020 nhà trường thực hiện theo Công văn số 1153/SGD&ĐT-KHTC ngày 10/7/2019 của Sở GD&ĐT Bến Tre về việc hướng dẫn thực hiện thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2019-2020.

Tuy nhiên, trường tổ chức thu học phí học kỳ 2 năm học 2020-2021 chậm, chưa in đầy đủ sổ sách kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp.

2.6.2. Nguồn thu tổ chức bán trú

Đầu năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thu chi bán trú, tổ chức lấy ý kiến thông qua thỏa thuận với phụ huynh học sinh về các khoản như tiền ăn, phụ phí bán trú. Nguồn thu này được hạch toán trên hệ thống sổ sách kế toán, thực hiện thu chi đúng quy trình, hồ sơ chứng từ đầy đủ. Cụ thể thu từng năm học như sau:

2.6.2.1. Thu tiền ăn bán trú

Năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 nhà trường tổ chức thu tiền ăn đối với nhà trẻ 20.000 đồng/ngày, mẫu giáo 22.000 đồng/ngày.

Năm học 2019-2020: tồn đầu năm 00 đồng, thu trong năm 613.862.000 đồng, chi trong năm 613.862.000 đồng, tồn 00 đồng.

Năm học 2020-2021: thu trong năm 588.760.000 đồng, chi trong năm 485.992.000 đồng, tồn đến thời điểm thanh tra 102.768.000 đồng.

6.2.2. Thu tiền phụ phí bán trú

Năm học 2019-2020 và 2020-2021 nhà trường tổ chức thu tiền phụ phí 130.000 đồng/tháng:

- Năm học 2019-2020: Thu trong 125.210.000 đồng, chi trong năm 98.808.125 đồng, tồn 10.263.875 đồng.

- Năm học 2020-2021: năm trước chuyển sang 10.263.875 đồng, thu trong năm 173.125.000 đồng, chi trong năm 137.658.354 đồng, tồn đến thời điểm thanh tra 35.466.646 đồng.

Tuy nhiên, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thu chi phụ phí bán trú năm học 2019-2020 chưa sát với nhu cầu thực tế nên cuối năm học tiền tồn còn nhiều (10.263.875đ); chưa thực hiện công khai cụ thể hàng tháng nguồn bán trú cho phụ huynh học sinh theo dõi.

2.6.3. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Ban đại diện cha mẹ học sinh không có vận động kinh phí hoạt động.

2.7. Việc thực hiện qui chế dân chủ, quy định về công khai

- Hiệu trưởng công khai và tổ chức thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, công khai thu, chi tài chính, đảm bảo đầy đủ và có niêm yết công khai tại trường.

- Hiệu trưởng thực hiện công khai cho cán bộ giáo viên, nhân viên các chủ trương chính sách của Nhà nước, của ngành, các văn bản chỉ đạo cấp trên, công khai quy chế chi tiêu nội bộ. Hình thức công khai thông qua cuộc họp hội đồng sư phạm và niêm yết trên bảng công khai của nhà trường; công khai trong Hội nghị viên chức theo quy định.

Tuy nhiên, Hiệu trưởng chưa thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2.8. Thự hiện quy định về tiếp công dân

- Trong chu kỳ thanh tra nhà trường có ban hành Quy chế, Nội quy tiếp công dân, có phân công cán bộ tiếp dân thường xuyên và định kỳ 02 lần/tháng. Nội quy và lịch tiếp công dân được công khai tại bảng công khai thủ tục hành chính của đơn vị, thông báo rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

- Có thiết lập sổ tiếp công dân thường xuyên nhưng chưa thiết lập sổ tiếp công dân dành cho Hiệu trưởng.

3. Kết luận

3.1. Ưu điểm

- Hiệu trưởng ban hành nội quy, quy chế, xây dựng các loại kế hoạch để tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường. Bộ máy tổ chức của nhà trường theo qui định của Điều lệ trường mầm non, thực hiện khá tốt công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch hàng năm.

- Hiệu trưởng thực hiện đúng quy định về chuyên môn. Đủ hồ sơ sổ sách theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Giáo viên tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, không có hiện tượng cắt xén giảm thời gian tổ chức thực hiện chương trình. Tổ chức sinh hoạt của các tổ chuyên môn đúng qui định Điều lệ trường

mầm non; trường phối hợp tốt với đoàn thể, cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc tổ chức chăm sóc trẻ.

- Hiệu trưởng quản lý, sử dụng, đánh giá và thực hiện chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng qui định.

- Quản lý, sử dụng tốt học phí và các nguồn lực tài chính hiện có.

** Nguyên nhân:*

Ban lãnh đạo, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt yêu cầu. Phân công, sử dụng đội ngũ đúng qui định.

3.2. Hạn chế

- Việc ban hành văn bản để quản lý nội bộ: còn căn cứ văn bản hết hiệu lực, chưa khoa học, thiếu chặt chẽ.

- Bộ máy tổ chức: Chưa thành lập Tổ Văn phòng, quyết định thành lập tổ chuyên môn ban hành chung cho các tổ chuyên môn

- Về kiểm tra nội bộ: Nội dung kế hoạch kiểm tra còn dàn trải, chưa có trọng tâm, còn hình thức, không khả thi, chưa đạt hiệu quả quản lý

- Việc thực hiện qui chế chuyên môn:

+ Xây dựng Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non chưa sát với thực tiễn, mở nhiều lớp ghép chưa hợp lý.

+ Chậm đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

+ Quản lý công tác bán trú chưa chặt chẽ; đội ngũ nhân viên nấu ăn chưa được tham gia vào sinh hoạt tổ chuyên môn nên chưa đánh giá được những phát sinh trong quá trình chăm sóc trẻ.

+ Các biện pháp phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì chưa mang lại kết quả cao.

+ Hiệu trưởng tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 0 đến 2 tuổi là sai Luật Giáo dục 2019 vì đây là trường mẫu giáo.

+ Chưa có kế hoạch thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ ngoài nhà trường trong việc chăm sóc nuôi dạy trẻ.

+ Việc tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ chưa được duy trì liên tục.

- Về quản lý viên chức: Thực hiện đánh giá viên chức chưa đúng quy trình.

- Về thực hiện chế độ chính sách: chưa thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với lớp có 01 giáo viên/lớp theo Công văn số 3176/UBND-TCĐT ngày 23/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Về quản lý sử dụng các nguồn tài chính:

+ Chưa thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Xây dựng Kế hoạch thu chi phụ phí bán trú năm học 2019-2020 chưa sát thực tế (cuối năm còn tồn kinh phí); chưa thực hiện công khai cụ thể hàng tháng nguồn bán trú cho phụ huynh học sinh theo dõi.

** Nguyên nhân, trách nhiệm:*

- Hiệu trưởng chưa quan tâm, đầu tư công tác ban hành văn bản theo thẩm quyền; Công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện các qui định về chuyên môn chưa sâu sát, chưa hiệu quả.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn chưa tập trung cao cho việc đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không có

5. Kiến nghị các biện pháp xử lý

5.1. Đối với Hiệu trưởng Trường Mẫu giáo Ngãi Đăng

Tổ chức rút kinh nghiệm những ưu điểm và hạn chế được nêu trong kết luận thanh tra cho toàn thể cán bộ, viên chức của đơn vị, đồng thời tập trung tổ chức thực hiện những kiến nghị sau:

- Tham mưu các cấp có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển đổi thành Trường Mầm non Ngãi Đăng để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ qui định.

- Về ban hành văn bản theo thẩm quyền: Cập nhật, bổ sung các nội quy, quy chế, các quyết định, kế hoạch đảm bảo chặt chẽ, khoa học, có giá trị pháp lý, khả thi, sát hợp thực tiễn đơn vị.

- Về công tác kiểm tra nội bộ: xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện tốt công tác tư vấn, thúc đẩy để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Về thực hiện qui chế chuyên môn:

+ Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên về Điều lệ Trường mầm non được ban hành theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT và Chương trình GDMN theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT do Bộ GD&ĐT ban hành đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN vào việc xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch phát triển Chương trình GDMN phù hợp điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao nhận thức trong đội ngũ và đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả tại đơn vị.

+ Chỉ đạo các tổ chuyên môn: xây dựng kế hoạch chuyên môn cần bám sát vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và thực tiễn đơn vị,

lưu ý đến các nội dung trọng tâm của từng năm học; tập trung đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Về đánh giá viên chức: Thực hiện đánh giá viên chức đúng quy trình theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 và Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/07/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.

- Về thực hiện chế độ chính sách: Thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với lớp có 01 giáo viên/lớp theo Công văn số 3176/UBND-TCĐT ngày 23/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Về quản lý tài chính:

+ Thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 90/2018/TT- TC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Xây dựng kế hoạch thu chi tổ chức bán trú (tiền ăn, tiền phụ phí) theo nguyên tắc thu đủ bù chi, không để tồn kinh phí. Thực hiện công khai cụ thể hàng tháng nguồn bán trú cho phụ huynh học sinh biết cùng theo dõi.

* Về xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra:

Lập kế hoạch khắc phục các hạn chế được ghi tại mục **3.2** của kết luận này gửi về Sở GD&ĐT (Thanh tra Sở) chậm nhất 15 ngày và gửi báo cáo kết quả thực hiện sau 45 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra trong thời gian tới.

5.2. Đối với Phòng GD&ĐT huyện Mỏ Cày Nam

- Chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện khắc phục những hạn chế và kiến nghị được nêu trong Kết luận thanh tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở giáo dục trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các sai phạm trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thực hiện các hoạt động quản lý, dạy và học đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Giám đốc (để báo cáo);
- Trường MG Ngãi Đăng (để thực hiện);
- Phòng GD&ĐT Mỏ Cày Nam (để biết);
- UBND huyện Mỏ Cày Nam (để biết);
- Thanh tra tỉnh Bến Tre
- Ban Nội chính Tỉnh ủy } (để báo cáo):
- Thanh tra Bộ GD&ĐT
- Đăng Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: TTr Sở.

QUYỀN CHÁNH THANH TRA

Phạm Văn Hùng